TTĐT(L)

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 81/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2018*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...C.....
Ngày: ..24/5/2018.

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về một số hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân thực hiện khuyến mại, gồm:

a) Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);

b) Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

2. Thương nhân trực tiếp tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, gồm:

a) Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hoặc tổ chức cho các thương nhân khác, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại);

b) Thương nhân trực tiếp hoặc thuê thương nhân khác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cho riêng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động có liên quan đến thương mại, các đối tượng có quyền hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 91, Điều 131 Luật thương mại khi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II
KHUYẾN MẠI

Mục 1
NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI, HẠN MỨC TỐI ĐA GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DÙNG ĐỂ KHUYẾN MẠI VÀ MỨC GIẢM GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC KHUYẾN MẠI

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện khuyến mại

1. Chương trình khuyến mại phải được thực hiện hợp pháp, trung thực, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, của các thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại phải bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho khách hàng trúng thưởng nhận giải thưởng và có nghĩa vụ giải quyết các khiếu nại (nếu có) liên quan đến chương trình khuyến mại.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại có trách nhiệm bảo đảm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4. Việc thực hiện khuyến mại phải đảm bảo:

a) Không đưa ra điều kiện để khách hàng được hưởng khuyến mại là phải từ bỏ, từ chối hoặc đổi hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác;

b) Không có sự so sánh trực tiếp hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

5. Không được sử dụng kết quả xổ số để làm kết quả xác định trúng thưởng, làm căn cứ để tặng, thưởng trong các chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 9 Điều 92 Luật thương mại.

Điều 4. Hoạt động khuyến mại theo phương thức đa cấp

1. Doanh nghiệp không đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không được thực hiện khuyến mại theo mô hình đa cấp, trong đó đối tượng khuyến mại gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, người trước được hưởng lợi ích từ việc mua hàng của người sau.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được thực hiện các hoạt động khuyến mại theo quy định của pháp luật nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại

Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các quy định cụ thể sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc) dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ khác bị cấm khuyến mại theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiền có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 11 Nghị định này.

Điều 6. Hạn mức tối đa về giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại

1. Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá của đơn vị hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại đó trước thời gian khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật thương mại, Điều 8, khoản 2 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

2. Tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại mà thương nhân thực hiện trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật thương mại, Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp thương nhân thực hiện khuyến mại không trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hàng hoá hoặc không trực tiếp cung ứng dịch vụ dùng để khuyến mại, giá trị được tính bằng giá thanh toán của thương nhân thực hiện khuyến mại để mua hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại hoặc giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại tại thời điểm công bố;

b) Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại là hàng hoá của thương nhân đó trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc cung ứng dịch vụ, giá trị được tính bằng giá thành hoặc giá nhập khẩu của hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4. Trong các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung (giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại) thì áp dụng hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là 100%. Hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại100% cũngđược áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Chương trình khuyến mại tập trung theo quy định tại khoản 4 Điều này gồm:

a) Chương trình do cơ quan nhà nước (cấp trung ương và cấp tỉnh) chủ trì tổ chức trong một khoảng thời gian xác định, theo hình thức giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại nhằm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế có mục tiêu của Quốc gia, của địa phương. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung. Mọi thương nhân đều được quyền tham gia vào các chương trình;

b) Các đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết theo quy định của pháp luật lao động, gồm:

- Đợt Tết Âm lịch: 30 ngày ngay trước ngày đầu tiên của năm Âm lịch;

- Các ngày nghỉ lễ, tết khác. Thời hạn khuyến mại của từng đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết không được vượt quá thời gian nghỉ của các dịp lễ, tết tương ứng theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 7. Mức giảm giá tối đa đối với bàng hoá, dịch vụ được khuyến mại

1. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hoá, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.

2. Trong các trường hợp tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung (giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại) theo quy định tại khoản 5 Điều 6 thì áp dụng mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại là 100%. Mức giảm giá tối đa 100% cũng áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho:

a) Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước;

b) Hàng thực phẩm tươi sống;

c) Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

Mục 2
CÁC HÌNH THỨC KHUYẾN MẠI

Điều 8. Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền

1. Hàng mẫu đưa cho khách hàng, dịch vụ mẫu cung ứng cho khách hàng dùng thử phải là hàng hoá, dịch vụ được kinh doanh hợp pháp mà thương nhân đang hoặc sẽ bán, cung ứng trên thị trường.

2. Khi nhận hàng mẫu, dịch vụ mẫu, khách hàng không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào.

3. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng mẫu, dịch vụ mẫu và phải thông báo cho khách hàng đầy đủ thông tin liên quan đến việc sử dụng hàng mẫu, dịch vụ mẫu.

Điều 9. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền

Thương nhân thực hiện khuyến mại tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền theo cách thức sau:

1. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền có kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

2. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Điều 10. Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá)

1. Trong trường hợp thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá thì mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại trong thời gian khuyến mại tại bất kỳ thời điểm nào phải tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Không được giảm giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ trong trường hợp giá bán hàng hoá, dịch vụ thuộc diện Nhà nước định giá cụ thể.

3. Không được giảm giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ xuống thấp hơn mức giá tối thiểu trong trường hợp giá bán hàng hoá, giá cung ứng dịch vụ thuộc diện Nhà nước quy định khung giá hoặc quy định giá tối thiểu.

4. Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức khuyến mại này để bán phá giá hàng hóa, dịch vụ.

5. Tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hoá, dịch vụ không được vượt quá 120 ngày trong một năm, không bao gồm thời gian thực hiện khuyến mại của các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá trong khuôn khổ các chương trình khuyến mại tập trung và các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 11. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ

1. Phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ kèm theo hàng hóa được bán, dịch vụ được cung ứng là phiếu để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của chính thương nhân đó hoặc để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác.

2. Giá trị tối đa của phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ được tặng kèm theo một đơn vị hàng hóa được bán, dịch vụ được cung ứng trong thời gian khuyến mại phải tuân thủ quy định hạn mức tối đa về giá trị vật chất dùng để khuyến mại quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. Nội dung của phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật thương mại.

Điều 12. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương)

1. Nội dung của chương trình thi phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật thương mại và không được trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Việc tổ chức thi và mở thưởng phải được tổ chức công khai, có sự chứng kiến của đại diện khách hàng và phải được thông báo cho Sở Công Thương nơi tổ chức thi, mở thưởng trước ngày tổ chức thi, mở thưởng. Trường hợp chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng dưới 100 triệu đồng thì thương nhân không phải thông báo cho Sở Công Thương theo quy định tại khoản này.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tổ chức thi và trao giải thưởng theo thể lệ và giải thưởng mà thương nhân đã công bố.

Điều 13. Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi)

1. Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải được tổ chức công khai, theo thể lệ đã công bố, có sự chứng kiến của khách hàng và phải được lập thành biên bản.

2. Trong trường hợp bằng chứng xác định trúng thưởng được phát hành kèm theo hàng hóa (gắn kèm, đính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác tương tự), thương nhân thực hiện khuyến mại phải thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hoá cho Sở Công Thương nơi thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hóa trước khi thực hiện.

3. Bằng chứng xác định trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Được thể hiện dưới dạng vật chất (vé số, phiếu, thẻ dự thưởng; phiếu rút thăm, bốc thăm, quay số; thẻ, tem, phiếu cào; tem, phiếu trúng thưởng; nắp, nút, đáy, vỏ, thân của bao bì sản phẩm hoặc của sản phẩm; chính giải thưởng) hoặc thông điệp dữ liệu (tin nhắn; thư điện tử; mã code, mã giao dịch, mã khách hàng, mã sản phẩm) hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương để làm căn cứ cho việc xác định trúng thưởng qua cách thức ngẫu nhiên;

b) Có hình thức khác với xổ số do nhà nước độc quyền phát hành và không được sử dụng kết quả xổ số của Nhà nước để làm kết quả xác định trúng thưởng.

4. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải trích 50% giá trị giải thưởng đã công bố vào ngân sách nhà nước trong trường hợp không có người trúng thưởng.

5. Giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại khoản 4 Điều này là giải thưởng trong trường hợp hết thời hạn trao thưởng nhưng không có người nhận hoặc không xác định được người trúng thưởng.

Điều 14. Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hoá, dịch vụ hoặc các hình thức khác

1. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tuân thủ quy định về thông báo các thông tin liên quan tại Điều 97 Luật thương mại; có trách nhiệm xác nhận kịp thời, chính xác sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên.

2. Nội dung thông tin được thể hiện và lưu trữ trên thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức tương đương phải bao gồm:

a) Tên thẻ, phiếu và thông tin về khách hàng (họ và tên, chứng minh nhân dân/căn cước công dân/Hộ chiếu);

b) Điều kiện và cách thức ghi nhận sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên. Trong trường hợp không thể hiện đầy đủ các nội dung nêu tại điểm này thì phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các nội dung đó cho khách hàng khi khách hàng bắt đầu tham gia vào chương trình;

c) Số lượng, trị giá hàng hóa do khách hàng mua phải thể hiện rõ trong thông tin của thẻ, phiếu để làm căn cứ xác định lợi ích mà khách hàng được tặng thưởng; điều kiện chi tiết về số lượng, trị giá hàng hóa, dịch vụ do khách mua, sử dụng để được nhận thưởng.

Điều 15. Khuyến mại hàng hóa, dịch vụ mà quá trình thực hiện có sử dụng internet, phương tiện, thiết bị điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thương nhân khi thực hiện các hoạt động, chương trình khuyến mại trong đó quá trình thực hiện có sử dụng mạng internet, phương tiện điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các phương tiện, công cụ khác phải tuân thủ các quy định về khuyến mại của Luật thương mại, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Thương nhân cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến (sàn) chịu trách nhiệm:

a) Đảm bảo các nội dung thông tin về hoạt động khuyến mại được công bố trên sàn phải tuân thủ pháp luật về khuyến mại, giao dịch điện tử, quảng cáo và pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu thương nhân thực hiện khuyến mại trên sàn cung cấp thông tin về hoạt động khuyến mại;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của thương nhân thực hiện khuyến mại trên sàn được thực hiện chính xác, đầy đủ;

d) Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi khuyến mại vi phạm pháp luật trên sàn;

đ) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, kiểm tra, giám sát các hành vi khuyến mại vi phạm pháp luật, cung cấp thông tin đăng ký, lịch sử giao dịch và các tài liệu khác về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên sàn;

e) Chịu trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hoạt động khuyến mại cho người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Mục 3
THÔNG BÁO, ĐĂNG KÝ, CÔNG BỐ, BÁO CÁO KẾT QUẢ, CHẤM DỨT THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Điều 16. Nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về chương trình khuyến mại (trừ trường hợp thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này);

c) Cung cấp cho khách hàng, các thương nhân phân phối và các bên liên quan đầy đủ, chính xác và rõ ràng các nội dung thông tin phải thông báo công khai theo quy định tại Điều 97 Luật thương mại;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 96 Luật thương mại và Nghị định này.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 96 Luật thương mại và Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng đối với các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

Điều 17. Thông báo hoạt động khuyến mại

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này. Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại khi khuyến mại theo các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14 Nghị định này:

a) Thương nhân thực hiện các chương trình khuyến mại quy định tại khoản 1 Điều này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

b) Thương nhân chỉ thực hiện bán hàng và khuyến mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Nộp 01 hồ sơ thông báo qua đường bưu điện đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

b) Nộp 01 hồ sơ thông báo trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c) Nộp 01 hồ sơ thông báo qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Thông báo thực hiện khuyến mại có chữ ký và đóng dấu của thương nhân đến địa chỉ thư điện tử đã được các Sở Công Thương công bố;

d) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Sở Công Thương cung cấp.

4. Hồ sơ thông báo bao gồm 01 Thông báo thực hiện khuyến mại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nội dung thông báo thực hiện khuyến mại bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện khuyến mại;

b) Tên chương trình khuyến mại;

c) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

d) Hình thức khuyến mại;

đ) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

e) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

g) Thời gian thực hiện khuyến mại;

h) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);

i) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;

k) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại.

l) Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại thì phải nêu rõ tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình.

6. Thông tin về chương trình khuyến mại mà thương nhân đã thông báo phải được cơ quan quản lý nhà nước công khai bằng các hình thức phù hợp (văn bản, trang tin điện tử hoặc các hình thức khác có tác dụng tương đương) và không sớm hơn thời gian bắt đầu của chương trình khuyến mại. Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện;

b) Nội dung chi tiết chương trình;

c) Thời gian thực hiện khuyến mại;

d) Địa bàn thực hiện khuyến mại.

Điều 18. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

1. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đã được thông báo đến Sở Công Thương trước đó, thương nhân trước khi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến Sở Công Thương nơi đã thông báo thực hiện khuyến mại. Hồ sơ thông báo gồm 01 văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại thực hiện theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Nộp 01 hồ sơ qua đường bưu điện đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

b) Nộp 01 hồ sơ trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c) Nộp 01 hồ sơ qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Thông báo thực hiện khuyến mại có chữ ký và đóng dấu của thương nhân đến địa chỉ thư điện tử đã được các Sở Công Thương công bố;

d) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Sở Công Thương cung cấp.

3. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các khách hàng đã tham gia chương trình trước khi chương trình được sửa đổi, bổ sung nội dung.

Điều 19. Đăng ký hoạt động khuyến mại

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính đăng ký hoạt động khuyến mại và phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật thương mại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sở Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Bộ Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại bao gồm:

a) 01 Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 Thể lệ chương trình khuyến mại theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định;

c) Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng;

d) 01 Bản sao không cần chứng thực giấy tờ về chất lượng của hàng hóa khuyến mại theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung đăng ký thực hiện khuyến mại bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện khuyến mại;

b) Tên chương trình khuyến mại;

c) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

d) Hình thức khuyến mại;

đ) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

e) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

g) Thời gian thực hiện khuyến mại;

h) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);

i) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;

k) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại (thể lệ chương trình khuyến mại);

l) Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại thì nội dung đăng ký phải nêu rõ tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 04 hoặc Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Trường hợp Bộ Công Thương là cơ quan xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại, Bộ Công Thương cung cấp cho Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức khuyến mại nội dung chương trình đã được xác nhận để phối hợp quản lý.

8. Thông tin về chương trình khuyến mại mà thương nhân đã đăng ký và được xác nhận phải được cơ quan quản lý nhà nước công khai bằng các hình thức phù hợp (văn bản, trang tin điện tử hoặc các hình thức khác có tác dụng tương đương) và không sớm hơn thời gian bắt đầu của chương trình khuyến mại. Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện;

b) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại;

c) Thời gian thực hiện khuyến mại;

d) Địa bàn thực hiện khuyến mại.

Điều 20. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

1. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đã được xác nhận đăng ký trước đó, thương nhân trước khi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến cơ quan quản lý nhà nước nơi đã đăng ký. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung bao gồm 01 văn bản thực hiện theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi

nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bộ Công Thương là cơ quan xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại, Bộ Công Thương cung cấp cho Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức khuyến mại nội dung chương trình đã được xác nhận sửa đổi, bổ sung để phối hợp quản lý.

5. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các khách hàng đã tham gia chương trình trước khi chương trình được sửa đổi, bổ sung nội dung.

Điều 21. Công bố kết quả, trao thưởng và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại

1. Trong trường hợp thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật thương mại, thời hạn công bố kết quả trúng thưởng và trao giải thưởng của chương trình không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện khuyến mại.

2. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại:

a) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn trao giải thưởng của chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật thương mại, thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nơi đã đăng ký và được xác nhận) về kết quả thực hiện chương trình khuyến mại theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp phải trích nộp 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào ngân sách nhà nước, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của thương nhân, cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thu nộp 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định thu nộp của cơ quan quản lý nhà nước, thương nhân có trách nhiệm nộp khoản tiền 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại theo quyết định.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nộp ngân sách nhà nước, thương nhân có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo theo Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thu nộp. Các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại phải được thương nhân lưu trữ và chịu trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

b) Thương nhân thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật thương mại, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14 và các trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định này không phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại.

3. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức ngoài các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo công khai thông tin về kết quả thực hiện khuyến mại tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân (nếu có website). Nội dung thông tin phải thông báo công khai gồm:

a) Tên chương trình khuyến mại;

b) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

c) Hình thức khuyến mại;

d) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

đ) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

e) Thời gian thực hiện khuyến mại;

g) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);

h) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng đã trao của chương trình khuyến mại.

Điều 22. Chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại

Thương nhân thực hiện khuyến mại không được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp quy định dưới đây:

1. Trong trường hợp bất khả kháng, việc chấm dứt chương trình khuyến mại trước thời hạn phải được thông báo công khai tới khách hàng và cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp thương nhân thực hiện khuyến mại hết số lượng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, phát hành hết số lượng bằng chứng xác định trúng thưởng đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận, việc chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại chỉ được thực hiện sau khi thương nhân thực hiện thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phải đảm bảo đầy đủ quyền lợi khách hàng đã tham gia chương trình.

3. Trong trường hợp bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần chương trình khuyến mại của thương nhân, việc chấm dứt thực hiện chương trình phải được thương nhân công bố công khai theo một trong các cách thức quy định tại Điều 98 Luật thương mại, trên website của thương nhân (nếu có website) và phải đảm bảo thương nhân sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết với khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại đó; trừ trường hợp trong chương trình khuyến mại đó có sử dụng hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép cung ứng để khuyến mại hoặc có sử dung rượu, bia để khuyến mại cho người dưới 18 tuổi hoặc có sử dụng thuốc lá, rượu, thuốc chữa bệnh để khuyến mại (trừ trường hợp dùng thuốc chữa bệnh để khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc) dưới mọi hình thức. Thương nhân bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại khi:

a) Vi phạm các quy định tại Điều 100 Luật thương mại và Điều 3 Nghị định này;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung trong thể lệ chương trình khuyến mại đã đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền.

Chương III
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Mục 1
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRƯNG BÀY, GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Điều 23. Ghi nhãn hàng hóa đối với hàng hóa trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam

1. Hàng hóa trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam phải có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

2. Hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

Điều 24. Trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật

1. Việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được nêu rõ trong nội dung đăng ký khi thương nhân thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi được trưng bày phải niêm yết rõ hàng hóa đó là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 25. Sử dụng tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại khi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại có quyền chọn tên, chủ đề hội chợ, triển lãm thương mại không trái pháp luật, trái với đạo đức, phong tục, tập quán, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam.

2. Trường hợp tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại sử dụng những từ ngữ để quảng bá chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ hoặc uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ triển lãm thương mại thì thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại khi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Có bằng chứng chứng minh chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký;

b) Có bằng chứng chứng minh uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký.

Điều 26. Cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại

1. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tổ chức cấp giải thưởng) phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được nêu rõ trong nội dung đăng ký khi thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau:

a) Chỉ được tổ chức cấp giải thưởng cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân có đăng ký tham gia việc cấp giải thưởng trong hội chợ, triển lãm thương mại;

b) Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp;

c) Đảm bảo công khai, khách quan, công bằng trên cơ sở tự nguyện của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ;

d) Tên giải thưởng, danh hiệu phải bao gồm tên hội chợ, triển lãm thương mại mà thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia và không trái pháp luật, trái với đạo đức, phong tục, tập quán, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam;

đ) Không huy động kinh phí dưới mọi hình thức đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng;

e) Không lợi dụng việc cấp giải thưởng và các giải thưởng để có hành vi vi phạm pháp luật;

g) Không ép buộc thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng.

Điều 27. Tạm nhập tái xuất hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam; tạm xuất tái nhập hàng hoá, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài

Việc tạm nhập tái xuất hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam; tạm xuất tái nhập hàng hoá, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC, THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Điều 28. Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại

1. Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

a) Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng hoặc tổ chức, cá nhân về hội chợ, triển lãm thương mại; về hàng hóa trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;

c) Cung cấp đến thương nhân tham gia đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến việc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại, các hoạt động trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm thương mại ngoài hoạt động trưng bày hàng hóa;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 139, Điều 140 Luật thương mại.

2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tham gia trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại)

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về hàng hóa, dịch vụ được trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hàng hóa trưng bày cho đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 138, Điều 139 Luật thương mại.

Điều 29. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định) hoặc tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định) phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sở Công Thương nơi tổ chức đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam;

b) Bộ Công Thương đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

4. Thời hạn đăng ký (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến):

a) Tối đa (sớm nhất) 365 ngày và tối thiểu (chậm nhất) 30 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam;

b) Tối đa (sớm nhất) 365 ngày và tối thiểu (chậm nhất) 45 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

5. Hồ sơ đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại bao gồm:

a) 01 Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật;

6. Nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

b) Tên, chủ đề hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có);

c) Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

d) Quy mô dự kiến của hội chợ, triển lãm thương mại;

đ) Việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá

nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại; việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với danh nghĩa của tỉnh, thành phố hoặc danh nghĩa quốc gia Việt Nam.

7. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Trường hợp có từ hai thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại trở lên đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trùng tên, chủ đề, thời gian, địa bàn, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương để lựa chọn thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đó.

9. Trường hợp việc hiệp thương quy định tại khoản 8 Điều này không đạt kết quả, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xác nhận đăng ký cho một thương nhân hoặc tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại căn cứ vào các cơ sở sau đây:

a) Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tương tự đã thực hiện;

b) Năng lực tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

c) Kinh nghiệm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cùng tên, cùng chủ đề hoặc các hội chợ, triển lãm thương mại tương tự;

d) Đánh giá của các hiệp hội ngành hàng liên quan.

10. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải có văn bản theo Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về kết quả việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo những nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

11. Hội chợ, triển lãm thương mại tổ chức tại Việt Nam phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hàng hóa tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được trưng bày, giới thiệu trong các gian hàng tiêu chuẩn (kích thước 3mx3m) hoặc khu vực tương đương với nhiều gian hàng tiêu chuẩn;

b) Có đầy đủ các dịch vụ phục vụ gồm: Điện, nước, an ninh, vệ sinh.

12. Việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam với danh nghĩa của tỉnh, thành phố phải đạt được các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 11 Điều này và các tiêu chuẩn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Việc tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài với danh nghĩa Quốc gia Việt Nam phải đạt được tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.

13. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm (trước ngày 01 tháng 10) công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh trong năm sau.

14. Thương nhân tự tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài về hàng hóa, dịch vụ của mình không phải tuân thủ các quy định tại Điều này.

Điều 30. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

1. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sửa đổi, bổ sung sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do.

4. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 31. Chấm dứt hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại có nghĩa vụ chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hội chợ, triển lãm thương mại nếu bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu. Việc yêu cầu thương nhân chấm dứt hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 131, khoản 3 Điều 133, Điều 134, Điều 135, Điều 136, Điều 137 Luật Thương mại.

2. Việc chấm dứt thực hiện hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại phải được thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại công bố công khai và phải đảm bảo quyền lợi của các thương nhân đã tham gia hội chợ, triển lãm thương mại đó.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại được quy định tại Luật thương mại và Nghị định này:

a) Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

c) Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

d) Cục Xúc tiến thương mại thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này; Tổng Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện nội dung quản lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn tổ chức thu, hạch toán điều tiết số thu 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại vào ngân sách nhà nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về xúc tiến thương mại tại địa phương:

a) Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

c) Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

d) Sở Công Thương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung quản lý quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này và báo cáo hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương;

đ) Lực lượng quản lý thị trường tại địa phương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tổng Cục Quản lý thị trường thực hiện các nội dung quản lý quy định tại điểm b khoản này.

5. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động xúc tiến thương mại (khuyến mại, hội chợ, triển lãm thương mại):

a) Đã được thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước;

b) Đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận đăng ký;

c) Đã bị cơ quan quản lý nhà nước xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). XH 205

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Thông báo thực hiện khuyến mại
Mẫu số 02	Đăng ký thực hiện khuyến mại
Mẫu số 03	Thể lệ chương trình khuyến mại
Mẫu số 04	Xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại
Mẫu số 05	Không xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại
Mẫu số 06	Thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
Mẫu số 07	Báo cáo thực hiện khuyến mại
Mẫu số 08	Quyết định về việc thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thực hiện nộp ngân sách nhà nước
Mẫu số 10	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 11	Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 12	Không xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 13	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
Mẫu số 14	Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

Mẫu số 01

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

THÔNG BÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi: .....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

Mã số thuế:.....

Người liên hệ:..... Điện thoại: .....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) thông báo chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại: .....

2. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: .....

3. Hình thức khuyến mại: .....

4. Thời gian khuyến mại: .....

5. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại: .....

Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có): .....

6. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại: .....

7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):.....

8. Cơ cấu giải thưởng (nội dung giải thưởng, giá trị giải thưởng, số lượng giải thưởng):.....

9. Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại: .....

10. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại: .....

11. Tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm)).

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chương trình khuyến mại trên theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi:.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

Mã số thuế: .....

Người liên hệ:..... Điện thoại:.....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại như sau:

1. Tên chương trình khuyến mại: .....

2. Thời gian khuyến mại: .....

3. Hàng hoá, dịch vụ được khuyến mại: .....

Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):.....

4. Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại: .....

5. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại:. .....

6. Hình thức khuyến mại: .....

7. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại): .....

8. Tổng giá trị giải thưởng: .....

9. Tên của các thương nhân cùng thực hiện khuyến mại, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận (văn bản thỏa thuận/hợp đồng gửi kèm)).

Thương nhân cam kết giải quyết các trường hợp tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm khi thực hiện chương trình khuyến mại (nếu có); đồng thời phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại, lưu trữ và chịu trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

Thể lệ chương trình khuyến mại đính kèm.

(Tên thương nhân) cam kết nội dung đăng ký nêu trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

THỂ LỆ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI
(Kèm theo công văn số …… ngày……/… /20…của …….)

1. Tên chương trình khuyến mại: .....

2. Hàng hoá, dịch vụ khuyến mại:.....

Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có)

3. Thời gian khuyến mại:.....

4. Địa bàn (phạm vi) khuyến mại: .....

5. Hình thức khuyến mại (ghi rõ khuyến mại mang tính may rủi hoặc hình thức khác): .....

6. Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại):

Quy định cụ thể các đối tượng được tham gia và đối tượng không được tham gia chương trình khuyến mại (áp dụng hoặc không áp dụng cho nhân viên của doanh nghiệp, các đại lý, nhà phân phối, nhà quảng cáo, in ấn phục vụ chương trình khuyến mại, vị thành niên, trẻ em…):

7. Cơ cấu giải thưởng:

Cơ cấu giải thưởng	**Nội dung giải thưởng (chi tiết nội dung và ký mã hiệu từng giải thưởng)**	**Trị giá giải thưởng (VNĐ)**	**Số giải**	**Thành tiền (VNĐ)**
Giải ...				
Giải ...				
Giải ...				
Tổng cộng:				

Tổng giá trị giải thưởng so với tổng giá trị hàng hoá khuyến mại.

8. Nội dung chi tiết thể lệ chương trình khuyến mại:

8.1 Điều kiện, cách thức, thủ tục cụ thể khách hàng phải thực hiện để được tham gia chương trình khuyến mại:.....

8.2 Thời gian, cách thức phát hành bằng chứng xác định trúng thưởng

- Trường hợp phát hành kèm theo hàng hóa: Nêu rõ gắn kèm, đính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác:

- Trường hợp phát hành không kèm theo hàng hóa: Nêu rõ thời gian, cách thức thực hiện (gửi trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin... cho khách hàng):

8.3 Quy định về bằng chứng xác định trúng thưởng

- Mô tả cụ thể về bằng chứng xác định trúng thưởng và tính hợp lệ của bằng chứng xác định trúng thưởng;

- Tổng số bằng chứng xác định trúng thưởng (phiếu cào, phiếu rút thăm, nắp chai, khoen lon, mã dự thưởng...) phát hành: .....

8.4 Thời gian, địa điểm và cách thức xác định trúng thưởng:

- Thời gian xác định trúng thưởng: .....

- Địa điểm xác định trúng thưởng: .....

- Cách thức xác định trúng thưởng (mô tả rõ cách thức quay số, rút thăm, quay vòng quay, cào, bật nắp, mở khoen... cho từng loại giải thưởng):

8.5 Thông báo trúng thưởng:

- Thời hạn, cách thức (trực tiếp, gửi qua bưu điện, nhắn tin...) nội dung thông báo trúng thưởng cho khách hàng: .....

- Hoặc thời hạn, cách thức nội dung tiếp nhận thông báo trúng thưởng từ khách hàng: .....

8.6 Thời gian địa điểm, cách thức và thủ tục trao thưởng

- Địa điểm trao thưởng: .....

- Cách thức trao thưởng: .....

- Thủ tục trao thưởng: .....

- Thời hạn kết thúc trao thưởng: .....

- Trách nhiệm của khách hàng trúng thưởng đối với chi phí phát sinh khi nhận thưởng, thuế thu nhập không thường xuyên:

9. Đầu mối giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan đến chương trình khuyến mại (người liên hệ, điện thoại...).

10. Trách nhiệm công bố thông tin:

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc thông báo công khai chi tiết nội dung của thể lệ chương trình khuyến mại (trên phương tiện thông tin hoặc tại địa điểm khuyến mại hoặc đính kèm sản phẩm khuyến mại...): .....

- Quy định về trách nhiệm của thương nhân trong việc công bố kết quả trúng thưởng (tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân): .....

11. Các quy định khác (nếu có): .....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** (SỞ CÔNG THƯƠNG ...)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại	*....., ngày ... tháng... năm 20...*

Kính gửi:
- Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại (nếu có);
- Thương nhân thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ (không phải là thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại).

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Trả lời công văn số ..... ngày... tháng... năm ... của (tên thương nhân) đăng ký thực hiện khuyến mại, Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại với nội dung sau:

- Tên chương trình khuyến mại: .....
- Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại: .....

Số lượng hàng hóa, dịch vụ (nếu có):.....

- Hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại: .....
- Thời gian khuyến mại: .....
- Địa bàn (phạm vi) thực hiện khuyến mại:.....
- Hình thức khuyến mại: .....
- Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng được hưởng khuyến mại):.....
- Cơ cấu giải thưởng:.....
- Tên của các thương nhân cùng thực hiện chương trình khuyến mại, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình (Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại hoặc thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận).
- Thương nhân thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của mình kinh doanh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại, lưu trữ và chịu trách nhiệm về các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.
- Việc thực hiện chương trình khuyến mại phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động xúc tiến thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nội dung thể lệ chương trình khuyến mại của thương nhân kèm theo.

Nơi nhận: - Như trên; - ..... - Lưu: VT,...	**CỤC TRƯỞNG** **(GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 05

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** (SỞ CÔNG THƯƠNG)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày ... tháng... năm 20...*
V/v không xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại	

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Xét hồ sơ gửi kèm theo công văn số ..... ngày... tháng ... năm ... của (tên thương nhân) đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình, thời gian, địa bàn khuyến mại);

Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) không xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại) của (tên thương nhân) với lý do:.....

Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) thông báo để (tên thương nhân) biết và thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - Lưu: VT, ...	**CỤC TRƯỞNG** **(GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày tháng năm 20...*

THÔNG BÁO/ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI

Kính gửi: .....

- Tên thương nhân:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại: .....Fax:.....Email:.....
- Người liên hệ: ..... Điện thoại: .....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số ..... ngày... tháng... năm... của Cục Xúc tiến thương mai (Sở Công Thương) xác nhận việc thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình khuyến mại, thời gian, địa bàn khuyến mại);

(Tên thương nhân) thông báo/đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung của chương trình khuyến mại trên như sau:.....

Lý do điều chỉnh:.....

Mọi nội dung khác của chương trình khuyến mại này giữ nguyên.

(Tên thương nhân) cam kết:

- Thông báo công khai thông tin về chương trình khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung nội dung) theo quy định.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi của khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại.

- Thực hiện chương trình khuyến mại đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- (Các cam kết khác .....)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI

Kính gửi: .....

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: .....Fax:.....Email:.....

Mã số thuế: .....

Người liên hệ: ..... Điện thoại: .....

(Trường hợp thông báo thực hiện khuyến mại) Căn cứ công văn số ..... ngày ... tháng ... năm ... của (tên thương nhân) đã thông báo thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình, thời gian, địa bàn, khuyến mại);

(Trường hợp đăng ký thực hiện khuyến mại) Căn cứ công văn số..... ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình, thời gian, địa bàn khuyến mại);

Sau khi kết thúc chương trình khuyến mại, (tên thương nhân) báo cáo chi tiết về kết quả chương trình khuyến mại (tên chương trình) như sau:

Cơ cấu giải thưởng đã công bố	**Nội dung giải thưởng**	**Trị giá giải thưởng đã công bố (VNĐ)**	**Số lượng giải thưởng đã công bố**	**Số lượng giải thưởng không có người trúng thưởng**	**Giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng (VNĐ)**
Giải...					
.....					
Tổng cộng					

1. Tổng giá trị giải thưởng theo thể lệ đã công bố:.....
2. Tổng giá trị giải thưởng đã trao: .....
3. Tổng giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng (giải thưởng tồn đọng): ....
(Trường hợp khuyến mại mang tính may rủi)
4. (Tên thương nhân) gửi kèm theo:
(Trường hợp khuyến mại mang tính may rủi)
- Biên bản tổ chức xác định kết quả trúng thưởng.
- Biên bản thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hoá khuyến mại (Trong trường hợp bằng chứng xác định trúng thưởng được phát hành kèm theo hàng hóa: Gắn kèm, đính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác tương tự).
5. Đề xuất, kiến nghị của thương nhân:.....
6. (Tên thương nhân) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của những thông tin nêu trên./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 08

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
(SỞ CÔNG THƯƠNG)

Số: ……./QĐ-….

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….. tháng…. năm…

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại

CỤC TRƯỞNG CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
(GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG)

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ công văn số …. ngày …. tháng …. năm …. của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận (tên thương nhân) thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình);

Căn cứ báo cáo số …. ngày …. tháng …. năm …. của (tên thương nhân) về kết quả thực hiện chương trình khuyến mại (tên chương trình, thời gian khuyến mại),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại (tên chương trình) do (tên thương nhân) thực hiện từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Điều 2. (tên thương nhân) có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước

- Số tiền: ……. đồng (viết bằng chữ)

- Vào Kho bạc nhà nước (tỉnh, thành phố… của cơ quan ra Quyết định thu)

- Nội dung: Nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại (tên chương trình).

Điều 3. (tên thương nhân) có trách nhiệm thực hiện quyết định này trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Kho bạc nhà nước tỉnh, thành phố ... (nơi cơ quan ra quyết định thu);
- Cục thuế tỉnh, thành phố ... (nơi thương nhân đóng trụ sở chính);
- Lưu: VT, ….

CỤC TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC SỞ)
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 09

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày tháng năm 20...*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi: .....

- Căn cứ công văn số..... ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại: (tên chương trình, thời gian thực hiện khuyến mại);

- Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của .... về việc thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại.

(Tên thương nhân) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

- Số tiền nộp: ..... (đồng) (gửi kèm bản sao giấy nộp tiền vào Kho bạc nhà nước).

- Ngày nộp:.....

- Đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Người liên hệ:..... Điện thoại:.....

Mẫu số 10

TÊN THƯƠNG NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày tháng năm 20...*

ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi: .....

- Tên thương nhân: ....
- Địa chỉ trụ sở chính: ....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
- Mã số thuế: .....
- Người liên hệ:.....Điện thoại: ....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (tên thương nhân) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ..... tại tỉnh/thành phố (tại nước ngoài) như sau:

1. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ 1:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) : .....
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt): .....
- Thời gian: ....
- Địa điểm: ....
- Chủ đề (nếu có): ....
- Ngành hàng dự kiến tham gia: ....
- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp): ....
- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)..... .....
- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có).....
- Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có): .....

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ ...

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt): .....

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt): .....

- Thời gian:.....

- Địa điểm: .....

- Chủ đề (nếu có): .....

- Ngành hàng dự kiến tham gia: .....

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp): .....

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có).....

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có) .....

- Việc sửa dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có).....

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:
Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại.

Mẫu số 11

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** **(SỞ CÔNG THƯƠNG)**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng.... năm...*
V/v xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;.....

Trả lời công văn số ..... ngày .... tháng .... năm ... của (tên thương nhân) về việc đăng ký (thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (tại nước ngoài), Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận (tên thương nhân) đăng ký (thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại (tại nước ngoài) với các nội dung sau:

Tên hội chợ/triển lãm thương mại: .....

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt): .....

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt): .....

- Thời gian:.....

- Địa điểm: .....

- Chủ đề (nếu có): .....

- Ngành hàng dự kiến tham gia: .....

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp): .....

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có).....

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có).....

- Việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có).....

(Tên thương nhân) có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và các quy định có liên quan (của nước sở tại) (trường hợp tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài).

- Thực hiện thủ tục hành chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có) trước khi tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại.

- Báo cáo kết quả về Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) về việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT, ...

CỤC TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 12

BỘ CÔNG THƯƠNG **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** **(SỞ CÔNG THƯƠNG)**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …… V/v không xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại	*……, ngày … tháng … năm …*

Kính gửi:……

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Xét hồ sơ gửi kèm theo công văn số ….. ngày … tháng …. năm …. của (tên thương nhân) đăng ký (thay đổi/bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) không xác nhận đăng ký (thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký) tổ chức đối với các hội chợ, triển lãm thương mại sau:

1. ……

2. ……

với lý do: ……

Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) thông báo để (tên thương nhân) biết và thực hiện./.

Nơi nhận: - Như trên; - ……..; - Lưu: VT, …	**CỤC TRƯỞNG** **(GIÁM ĐỐC)** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ……	*....., ngày ... tháng ... năm 20...*

ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi: .....

- Tên thương nhân: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
- Người liên hệ: ..... Điện thoại: .....

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số ..... ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm..... tại ....., (tên thương nhân) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

Tên hội chợ/triển lãm thương mại: .....

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt): .....
- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt): .....
- Thời gian:.....
- Địa điểm: .....
- Chủ đề (nếu có): .....
- Ngành hàng dự kiến tham gia: .....
- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp): ... .
- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)..... .....
- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có) .....

- Việc sử dụng danh nghĩa quốc gia Việt Nam hoặc danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(Tên thương nhân) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (tên thương nhân) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	*....., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi: .....

Tên thương nhân:..... .....

Địa chỉ trụ sở chính:..... .....

Điện thoại: .....Fax:.....Email:.....

Mã số thuế: .....

Người liên hệ: .. .. Điện thoại: .....

Căn cứ công văn số..... ngày ... tháng ... năm ... của Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương) xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

Sau khi kết thúc, (tên thương nhân) báo cáo như sau:

1. Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cụ thể

STT	Tên hội chợ, triển lãm thương mại được xác nhận (tên, thời gian, địa điểm)	Quy mô Việt Nam tham gia		Quy mô nước ngoài tham gia (nếu có)		Kết quả giao dịch: Số lượng, giá trị hợp đồng, thỏa thuận ký kết; số lượng khách tham quan, giao dịch; các kết quả khác ...
		Số lượng gian hàng	Số lượng doanh nghiệp	Số lượng gian hàng	Số lượng doanh nghiệp	

2. Đề xuất, kiến nghị với Cục Xúc tiến thương mại (Sở Công Thương):...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)